

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Lan; Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 13/2022/TLST - HNGĐ, ngày 08/02/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 08/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Âu Thị T, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Âu Thị T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Đức T kết hôn năm 2012, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà chồng tại xóm C, xã P đến năm 2013 thì vợ chồng ra ở riêng. Trước khi kết hôn vợ chồng không ai có tài sản riêng. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên rượu chè, vợ chồng sống không hợp nhau vợ chồng xảy ra cãi cọ nhau. Vợ chồng có xảy ra xô xát nhẹ một hai lần. Sau đó tôi đi làm công ty ở dưới Hưng Yên, tôi không về nhà anh T sinh sống nữa. Đến năm 2017 tôi đi làm ăn bên Trung Quốc, sau đó tôi về Việt Nam và sinh sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ tôi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 tới nay, đến nay không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 03/10/2012. Hiện cháu đang ở bên nhà mẹ đẻ tôi bên xóm A, xã N. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Đức T bày: Tôi và chị Âu Thị T kết hôn năm 2012, trước khi cưới có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình tôi tại xóm C, xã P đến năm 2013 thì vợ chồng ra ở riêng. Trước khi kết hôn vợ chồng không ai có tài sản riêng. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T đi làm công ty ở dưới Hưng Yên, gửi con ở nhà bà ngoại, chị T đi làm ít về gia đình nhà tôi, khi về nhà thì chỉ một vài tiếng sau lại đi về nhà ngoại luôn. Sau đó chị T lại đi làm ở bên Trung Quốc, trong quá trình đi làm chị T có những mối quan hệ bên ngoài, không còn quan tâm đến chồng. Vợ chồng cũng ít gọi điện hỏi thăm nhau. Hiện tại chị T đã về Việt Nam làm ăn, tuy nhiên chị T không về gia đình tôi sinh sống mà đi làm Công ty. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 tới nay, đến nay không còn quan tâm gì tới nhau nữa và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, chị T làm đơn xin ly hôn tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau, tôi nhất trí ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị Thức có 01 con chung cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 03/10/2012. Hiện cháu đang ở bên nhà mẹ đẻ chị T bên xóm A, xã N. Khi ly hôn, tôi nhất trí để chị T nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Các tài liệu phía nguyên đơn là chị T cung cấp cho Tòa án bao gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn của Âu Thị T và Nguyễn Đức T (bản chính); 01 Sổ hộ khẩu của hộ Nguyễn Đức T (bản sao); 01 Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Khánh H (bản sao); 01 Giấy chứng minh nhân dân của Âu Thị T (bản sao). Anh T không giao nộp gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên đề nghị xin ly hôn với anh Nguyễn Đức T. Về con chung chị T có nguyện vọng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử.

- + Cho chị Âu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T
- + Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khánh H, sinh ngày 03/10/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét. Về quyền thăm nom con chung: Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.
- + Về tài sản: Không xem xét.
- + Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Thụy vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Đức T cư trú tại xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Nguyễn Đức T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Âu Thị T và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chị T và anh T sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Phía chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn anh T thường xuyên rượu chè, vợ chồng sống không hợp nhau vợ chồng xảy ra cãi cọ nhau. Vợ chồng có xảy ra xô xát nhẹ một hai lần. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 tới nay, đến nay không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị T xác định không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn. Phía anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi làm Công ty, ít về gia đình. Chị T còn có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị T xin ly hôn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của anh Hải là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của chị T, cho chị Âu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cả chị T và anh T đều xác định vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 03/10/2012. Quá trình giải quyết, phía chị T có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi vợ chồng ly hôn, phía anh T cũng nhất trí để chị T nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cả chị T, anh T không đề nghị Tòa án xem xét.

HĐXX xét thấy hiện tại con chung của anh chị cháu H đang sinh sống cùng với gia đình nhà chị T tại xóm A, xã N. Mặt khác tại bản ý kiến của cháu H thì cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh T cũng nhất trí để chị T trực tiếp nuôi con chung. Do đó cần giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh H là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Về quyền đi lại thăm nom con chung: Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung mà không bị ai cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết cả chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Âu Thị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khánh H, sinh ngày 03/10/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị T, anh T có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0003865, ngày 08/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị Thức được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thụy được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã P;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Hải